

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2011/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 10 năm 2011

NGHỊ QUYẾT
Về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ngãi
giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHOÁ XI - KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 2052/QĐ-TTg ngày 10/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 2835/TTr-UBND ngày 05/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Đề án đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020, với những nội dung chính sau:

I. Mục tiêu, chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

1. Mục tiêu: Xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của tỉnh đảm bảo về chất lượng, đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu ngành nghề, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế, góp phần đưa Quảng Ngãi cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

a) Đến năm 2015:

- 100% trẻ em trong độ tuổi tiểu học đến trường và 70% học sinh tiểu học, 40% học sinh trung học cơ sở được học tập cả ngày ở trường.

- 25% trường mầm non, 65% trường tiểu học, 55% trường trung học cơ sở,

trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

- Số sinh viên đại học, cao đẳng đạt 400 sinh viên/vạn dân.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%; tỷ lệ qua đào tạo nghề đạt 45%.

- 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện, được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định.

- 90% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn theo tiêu chuẩn quy định. 100% cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp xã thuộc huyện đồng bằng, hải đảo tốt nghiệp cao đẳng chuyên môn và trung cấp lý luận chính trị trở lên; 100% cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp xã thuộc huyện miền núi tốt nghiệp trung cấp chuyên môn và trung cấp lý luận chính trị trở lên.

- Đào tạo và thu hút 300 thạc sĩ, 20 tiến sĩ.

- 70% số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,92%/năm. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 15% và đạt 5,5 bác sĩ/vạn dân. Tuổi thọ bình quân đạt 74 tuổi.

b) Phân đầu đến năm 2020:

- 50% trường mầm non, 70% trường tiểu học và 70% trường trung học cơ sở, trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

- Số sinh viên đại học, cao đẳng đạt 450 sinh viên/vạn dân.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 70%; tỷ lệ qua đào tạo nghề cao hơn mức bình quân chung của cả nước.

- Giai đoạn 2016 - 2020, đào tạo và thu hút 350 thạc sĩ, 25 tiến sĩ.

- 100% cán bộ, công chức đạt tiêu chuẩn chức danh theo quy định.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 10%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,87%/năm và đạt 10 bác sĩ/vạn dân. Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi.

II. Các nhiệm vụ chủ yếu:

1. Thực hiện tốt công tác khảo sát, dự báo, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực.

a) Các cấp, các ngành và doanh nghiệp có kế hoạch khảo sát, đánh giá thực trạng, nhu cầu nhân lực và công tác xuất khẩu lao động ở các địa phương, đơn vị, nhất là ở khu kinh tế, khu công nghiệp để xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, sử dụng nhân lực sát đúng tình hình thực tiễn. Hoàn thành "Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2011 - 2020" để triển khai thực hiện.

b) Thực hiện tốt Quy chế đánh giá cán bộ, công chức gắn với việc thực hiện quy hoạch cán bộ, tạo bước đột phá theo hướng trẻ hoá đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp. Thường xuyên bổ sung quy hoạch đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có độ tuổi dưới 40 đã qua đào tạo đại học chính quy. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, điều động, luân chuyển cán bộ để tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý cho cả trước mắt và lâu dài.

2. Tiếp tục phát triển quy mô, nâng cao chất lượng giáo dục từ bậc mầm non đến phổ thông.

a) Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học, bậc học, đặc biệt ở

bậc mầm non. Chỉ đạo cụ thể hoá, thực hiện có hiệu quả Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2011 - 2015 theo Quyết định 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục củng cố kết quả xoá mù chữ, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở một cách bền vững, từng bước phổ cập giáo dục trung học phổ thông. Đề cao trách nhiệm và phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường, xã hội trong việc giáo dục thế hệ trẻ.

b) Cải tiến, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục. Xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng ở các bậc học. Đổi mới phương pháp dạy - học, phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh. Coi trọng việc dạy tin học và ngoại ngữ. Củng cố và nâng cấp các trung tâm ngoại ngữ, tin học và công nghệ thông tin. Thực hiện Đề án phát triển Trường THPT chuyên Lê Khiết theo Quyết định 959/QĐ-TTg ngày 24/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, huy động nguồn lực xã hội xây dựng trường phổ thông chất lượng cao, từng bước tiếp cận phương pháp dạy - học tiên tiến của khu vực và thế giới.

3. Tập trung đào tạo nghề và xây dựng đội ngũ doanh nhân, quản trị doanh nghiệp giỏi.

a) Về đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn - kỹ thuật:

- Phát triển mạnh giáo dục dạy nghề, mở rộng ngành nghề, tăng số lượng và hiệu quả đào tạo theo yêu cầu sử dụng lao động. Tập trung đào tạo lao động kỹ thuật cho những ngành công nghiệp chủ lực và dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ gắn liền với rèn luyện phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, trách nhiệm cộng đồng, đặc biệt là ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn. Chú trọng đào tạo nghề phục vụ xuất khẩu lao động. Ưu tiên đào tạo nghề cho thanh niên trong diện tái định cư, con em gia đình chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và bộ đội xuất ngũ.

- Chuẩn hoá và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý. Cải tiến chương trình đào tạo, bảo đảm khả năng liên thông giữa các trình độ. Thực hiện tốt công tác hướng nghiệp tại các trường phổ thông trung học. Nâng cấp trường Trung cấp Y tế thành trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm; trường Trung cấp nghề Quảng Ngãi và Trung cấp nghề Đức Phổ thành các trường Cao đẳng nghề; sớm hoàn thành việc xây dựng, đưa vào hoạt động trường Cao đẳng kỹ thuật Việt - Hàn,...

- Hoàn chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Khuyến khích cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia đào tạo, thành lập cơ sở đào tạo, liên kết với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước đào tạo lao động kỹ thuật chất lượng cao.

b) Về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ quản lý doanh nghiệp:

- Xây dựng, hình thành đội ngũ giám đốc doanh nghiệp, chủ nhiệm hợp tác xã có trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực kinh doanh, sử

dụng được ngoại ngữ trong giao dịch, hiểu biết luật pháp và thông lệ quốc tế, năng động, sáng tạo, thích ứng nhanh với kinh tế thị trường.

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, bổ sung kiến thức khởi sự doanh nghiệp, tổ chức sản xuất, quản trị doanh nghiệp. Có chế độ hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và chuyển giao công nghệ, thiết bị mới; tổ chức các khoá đào tạo kiến thức chuyên sâu về quản lý, ứng dụng công nghệ mới, hệ thống quản lý chất lượng quốc tế; bồi dưỡng kỹ năng khai thác, sử dụng thông tin khoa học công nghệ; kiến thức pháp luật kinh doanh, kỹ năng tiếp cận thị trường, kiến thức về xây dựng thương hiệu cho doanh nghiệp...

- Giai đoạn 2011 - 2015, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng 3.000 lượt doanh nhân, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn.

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị.

a) Tuyển chọn, đào tạo, bổ nhiệm, bố trí cán bộ công khai, minh bạch, đúng tiêu chuẩn, quy trình và có cơ cấu hợp lý. Người được tuyển dụng phải bảo đảm đúng chức danh công chức cần tuyển, đạt các tiêu chí về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; ưu tiên đối với con em gia đình chính sách, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, người tốt nghiệp đại học chính quy đạt loại khá, giỏi và người tốt nghiệp sau đại học.

b) Chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, thường xuyên bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức; xác định rõ ngành, nghề, nội dung, đối tượng cần đào tạo cho từng năm và kế hoạch định hướng đến năm 2015. Nâng cao chất lượng đào tạo Trường Quân sự, Trường Chính trị tỉnh và các trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thành phố. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ diện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định. Thực hiện tốt công tác điều động, luân chuyển cán bộ trong diện quy hoạch lãnh đạo để đào tạo cán bộ qua thực tiễn.

c) Chuẩn hóa cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, huyện. Triển khai thực hiện Đề án tăng cường đội ngũ cán bộ lãnh đạo trẻ cho các cơ quan trong hệ thống chính trị tỉnh và huyện, thành phố. Từ năm 2011, chỉ đề bạt những cán bộ, công chức đã đạt chuẩn đào tạo. Cán bộ, công chức sinh năm 1965 về sau phải tốt nghiệp đại học chính quy; trường hợp tốt nghiệp đại học không phải chính quy, thì phải có năng lực thực tiễn vượt trội, có uy tín, phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 3 năm liền kề, được đơn vị tín nhiệm, có thể xem xét bổ nhiệm lần đầu.

d) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án đào tạo, tuyển chọn, chuẩn hoá đội ngũ cán bộ chủ chốt xã, phường, thị trấn của tỉnh. Thực hiện tốt chủ trương tuyển chọn, bồi dưỡng, bổ nhiệm sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng chính quy về làm Phó Chủ tịch UBND xã ở 06 huyện miền núi của tỉnh. Thu hút sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính quy thay thế cán bộ, công chức không đủ tiêu chuẩn.

5. Đào tạo, bồi dưỡng, thu hút cán bộ có trình độ cao và đội ngũ chuyên gia giỏi trên các lĩnh vực.

a) Xây dựng, triển khai thực hiện Đề án đào tạo và thu hút nhân lực có trình độ cao. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ có trình độ chuyên môn trên đại học ở trong nước và nước ngoài để hình thành đội ngũ chuyên gia trên các lĩnh vực, nhất là đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ làm giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ y khoa, bác sĩ, dược sĩ chuyên khoa cho các bệnh viện tỉnh, huyện và bác sĩ cho các trạm y tế cấp xã. Chọn số sinh viên tốt nghiệp đại học loại giỏi, xuất sắc, số cán bộ dưới 40 tuổi tốt nghiệp đại học chính quy loại khá, có triển vọng phát triển cử đi đào tạo trên đại học trong và ngoài nước.

b) Xây dựng trường Đại học Phạm Văn Đồng và một số cơ sở đào tạo đạt chuẩn quốc gia và khu vực để cung cấp nhân lực có trình độ cao cho hệ thống giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyên gia công nghệ, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, nhất là Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp của tỉnh. Khai thác có hiệu quả đề án đào tạo nhân lực trình độ cao của Trung ương. Khuyến khích mời các chuyên gia nước ngoài và Việt kiều có trình độ cao hợp tác làm việc trong các lĩnh vực chuyên sâu.

6. Nâng cao chất lượng công tác dân số, y tế, bảo vệ môi trường.

a) Tập trung chỉ đạo cụ thể hoá và thực hiện có hiệu quả Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030; Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011 - 2020; Đề án phòng, chống suy dinh dưỡng ở trẻ em; Chương trình mục tiêu quốc gia về dân số - kế hoạch hoá gia đình trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng, chủ động phòng, chống có hiệu quả các loại dịch bệnh. Cải tiến công tác quản lý nhà nước, mở rộng loại hình dịch vụ y tế, bảo đảm có đủ số lượng y, bác sĩ và trang thiết bị, kỹ thuật để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng I.

b) Triển khai thực hiện tốt pháp luật bảo vệ môi trường; an toàn lao động; vệ sinh thực phẩm; đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc giữ gìn vệ sinh và cải thiện môi trường sống tại cộng đồng; khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh áp dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường.

7. Phát triển văn hóa, thể dục, thể thao, nâng cao đời sống tinh thần, thể chất nguồn nhân lực.

a) Tập trung xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hoá lành mạnh trong xã hội gắn với đẩy mạnh Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về văn hóa, đấu tranh phòng, chống, đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Tiếp tục đổi mới nội dung và hình thức giáo dục đạo đức, công dân trong trường học. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa ngành giáo dục, văn hoá với các đoàn thể trong việc giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên nhằm xây dựng bản lĩnh chính trị, bồi đắp phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

b) Tăng cường giáo dục thể chất và các hoạt động thể dục, thể thao trong trường học; phát triển và nâng cao chất lượng phong trào thể thao quần chúng; phát động phong trào toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại. Xây dựng và triển khai thực hiện đề án tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng năng khiếu, nhân tài trong lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, thể thao. Đầu tư xây dựng, nâng cấp Sân vận động, Khu liên hợp thể thao, Trường năng khiếu thể dục thể thao tỉnh..., đồng thời khuyến khích thành lập các cơ sở tập luyện và thi đấu thể dục thể thao ngoài công lập.

8. Phân bổ, sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn nhân lực.

a) Thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển công nghiệp, phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh; phân bổ hợp lý nguồn nhân lực theo lãnh thổ và theo ngành. Tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo, chuyển dịch mạnh lao động nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ; phấn đấu tỷ trọng lao động công nghiệp và dịch vụ đạt 53% vào năm 2015.

b) Phát huy tối đa khả năng giải quyết việc làm của các khu công nghiệp, Khu kinh tế Dung Quất, các ngành dịch vụ sử dụng nhiều lao động. Gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với sử dụng lao động đã qua đào tạo. Đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động. Tổ chức tốt việc điều tra, xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động. Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức tư vấn giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển thị trường lao động ...

c) Từ nay đến năm 2015, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án chủ yếu sau đây:

- Đề án nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông;
- Đề án đào tạo nghề, kỹ thuật chất lượng cao;
- Đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ doanh nhân;
- Đề án đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ và thu hút nhân lực có trình độ cao;
- Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị.

III. Các giải pháp chủ yếu:

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực. Nâng cao nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Trên cơ sở quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của tỉnh, các cấp, các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp, các cơ quan chức năng chủ động phối hợp một cách chặt chẽ, đồng bộ trong quá trình xây dựng, triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án phát triển nguồn nhân lực cho ngành, lĩnh vực, địa phương của mình, bảo đảm tạo sự thống nhất, đồng bộ và hiệu quả cao cho sự phát triển nguồn nhân lực của cả tỉnh.

2. Tiếp tục xây dựng, bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách.

Triển khai thực hiện tốt các chính sách của Trung ương, đồng thời nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, ban hành và thực hiện kịp thời các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Trong đó, chú ý chính sách hỗ trợ: người dân tộc thiểu số ở tỉnh đang theo học tại các trường công lập; học sinh, sinh viên học giỏi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh năng khiếu và học sinh các trường chuyên; cán bộ, công chức các huyện miền núi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong tỉnh và ngoài tỉnh; cán bộ, công chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở ngoài tỉnh và nước ngoài; cán bộ lãnh đạo, quản lý được điều động, luân chuyển; sinh viên tốt nghiệp khá, giỏi về công tác ở cấp xã; người có trình độ cao đến làm việc tại tỉnh; cán bộ chủ chốt các cấp nghỉ việc chờ hưu, nghỉ hưu trước tuổi; cán bộ cấp xã nghỉ việc do không đủ tiêu chuẩn; người dân tham gia du học tự túc và trở về phục vụ tỉnh nhà.

Hàng năm tiến hành rà soát, thống kê con em Quảng Ngãi tốt nghiệp đại học, cao đẳng để có kế hoạch sử dụng hợp lý.

3. Tăng cường đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất.

Xây dựng cơ sở vật chất bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học để thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới. Bảo đảm đủ phòng học kiên cố, thư viện, thiết bị dạy học đạt chuẩn cho bậc học phổ thông. Chú trọng xây dựng mạng lưới trường nội trú, bán trú ở các huyện miền núi và hỗ trợ kinh phí để các em trong độ tuổi đều được đi học. Đầu tư hệ thống phòng thực hành, trang thiết bị hiện đại và ký túc xá cho các trường đại học, cao đẳng, các cơ sở đào tạo nghề, kỹ thuật chất lượng cao; ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất cho trường Đại học Phạm Văn Đồng. Xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và môi trường làm việc thuận lợi cho người lao động. Có kế hoạch đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động giáo dục đào tạo, dạy nghề, văn hoá, y tế, thể dục - thể thao phục vụ phát triển nguồn nhân lực.

4. Mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế.

Các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp và các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh cần có các chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học, đào tạo, chuyển giao nhân lực với các trường đại học, viện nghiên cứu ở trong nước và nước ngoài. Bằng nhiều hình thức khác nhau, tăng cường hợp tác đào tạo nhân lực với nước ngoài, tập trung vào những ngành nghề trong nước chưa đào tạo được hoặc có đào tạo nhưng chất lượng còn thấp; chú trọng thu hút nguồn lực bên ngoài, mở rộng liên kết đào tạo bằng vốn, công nghệ, đội ngũ giảng viên của nước ngoài để nhanh chóng đào tạo nguồn nhân lực trong tỉnh đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

5. Kinh phí thực hiện đề án phát triển nguồn nhân lực.

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho phát triển nguồn nhân lực, bao gồm: vốn ngân sách nhà nước; vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA, vốn FDI, NGO, liên kết hợp tác quốc tế, vốn tín dụng, vốn của các thành phần kinh tế, vốn trong nhân dân.

Hàng năm, cân đối, bố trí thỏa đáng ngân sách, huy động từ 12 - 13% tổng vốn đầu tư toàn xã hội để đầu tư phát triển nguồn nhân lực. Thực hiện các cơ chế, chính

sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, hỗ trợ về đất đai và ưu đãi tín dụng... để tranh thủ tối đa các nguồn vốn đầu tư đầy mạnh phát triển nguồn nhân lực.

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Hoàn chỉnh Đề án và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

b) Trong năm 2012 hoàn thành nhiệm vụ xây dựng các đề án nêu tại điểm c khoản 8 phần II Điều 1 và xây dựng, bổ sung hoàn thiện các cơ chế chính sách của tỉnh nêu tại khoản 2 phần III Điều 1 của Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XI thông qua ngày 21 tháng 10 năm 2011, tại kỳ họp thứ 3./.

CHỦ TỊCH

Phạm Minh Toản